

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-PT
Ngày: 18/5/2021
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Long

Các thẩm phán: Ông Dương Viết Hải và ông Nguyễn Thái Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Đoàn Quang Tiến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 02/2021/TLPT-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2021, về việc: “Ly hôn”

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 30/2020/HNGĐ-ST ngày 23/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hoá bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 495/2021/QĐ-PT ngày 31/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* ông Hồ Xuân V; sinh năm 1962

Địa chỉ: Thôn M, xã P, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Có mặt;

2. *Bị đơn:* bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1964

Địa chỉ: Tiểu khu 2, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt và có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

- Người kháng cáo: bà Nguyễn Thị Thanh N - là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự và bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn ông Hồ Xuân V trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Thanh N đăng ký kết hôn vào ngày 24/12/1988 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Vợ chồng kết hôn trên cơ sở tự nguyện

và không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, bà N sống tại tiểu khu 2, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình còn ông công tác xa nhà tại Quân đoàn 4 - Bộ Quốc phòng đóng tại thành phố D, tỉnh Bình Dương, thỉnh thoảng ông mới về nhà. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà N luôn có thái độ ghen tuông. Tháng 9/2013 bà N làm đơn yêu cầu ly hôn ông nhưng ông không nhất trí vì các con chưa trưởng thành. Sau đó, mâu thuẫn giữa vợ chồng càng trầm trọng hơn. Bà N luôn xúc phạm đến bố mẹ chồng và làm ảnh hưởng đến uy tín của ông trong quá trình công tác tại cơ quan. Bà N gọi điện thoại khủng bố tinh thần của ông và gọi điện cho Thủ trưởng đơn vị, buộc ông phải nghỉ hưu sớm trước tuổi. Đến năm 2017, ông đã làm đơn yêu cầu ly hôn tại Tòa án nhưng bị Tòa án cấp sơ thẩm, phúc thẩm bác đơn khởi kiện không cho ông được ly hôn. Tuy nhiên 3 năm sau đó, vợ chồng cũng không thể chung sống với nhau, hai bên bỏ mặc, không quan tâm đến nhau. Vợ chồng ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng ly thân, bà N sống tại tiểu khu 2, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình còn ông sống trong đơn vị tại tỉnh Bình Dương, đến năm 2016 thì ông nghỉ hưu và về sống với mẹ đẻ của ông tại thôn M, xã P, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Hai bên không liên lạc, không quan tâm đến nhau. Hiện nay tình cảm vợ chồng giữa ông và bà N thực sự không còn nên ông có nguyện vọng xin được ly hôn bà N để mỗi người được tự do có cuộc sống riêng của mình.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là: Hồ Thị Tố N, sinh ngày 11/01/1990 và Hồ Tuấn Vũ H, sinh ngày 26/02/1994. Hiện nay các con đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng cũng như nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh N trình bày:

Bà và ông Hồ Xuân V đăng ký kết hôn tự nguyện vào ngày 24/12/1988 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Quảng Bình, có tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình. Vợ chồng sống hạnh phúc và gắn bó với nhau kéo dài từ năm 1988 đến năm 2012 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông V có quan hệ ngoại tình với người khác. Mặc dù mẹ con bà đã khuyên bảo và tha thứ vì các con và vì hạnh phúc gia đình nhưng ông V vẫn không chấm dứt quan hệ tình cảm với người phụ nữ đó. Đến năm 2017, ông V làm đơn yêu cầu ly hôn với bà nhưng bị Tòa án bác đơn yêu cầu ly hôn của ông V. Từ đó cho đến nay, tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được, vợ chồng vẫn sống ly thân mỗi người một nơi. Ông V có hộ khẩu thường trú tại thôn M, xã P, huyện T, tỉnh Quảng Bình nhưng thực tế đang sống chung với người khác tại quận T, thành phố Hồ Chí Minh. Hai bên không quan tâm, liên lạc với nhau nữa. Nay ông V yêu cầu ly hôn, bà không đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng vẫn còn và mong muốn Tòa án xem xét cho hoàn cảnh của mẹ con bà, tình cảm vợ chồng, cha con, tương lai của các con bà.

Về con chung và tài sản chung: Bà thống nhất theo trình bày của ông V.

Tại Bản án sơ thẩm số 30/2020/HNGĐ-ST ngày 23/12/2020, Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hoá áp dụng: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử: Ông Hồ Xuân V được ly hôn bà Nguyễn Thị Thanh N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Hồ Thị Tố N, sinh ngày 11/01/1990 và Hồ Tuấn Vũ H, sinh ngày 26/02/1994, hiện nay đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Hai bên không có yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Về công nợ chung của vợ chồng, không có, Hội đồng xét xử không xem xét. cấp sơ thẩm không giải quyết.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật

Ngày 02/01/2021, bà Nguyễn Thị Thanh N kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không giao Thông báo thụ lý vụ án cho bà là không đúng quy định của pháp luật tố tụng, xâm phạm nghiêm trọng về quyền lợi của bà N. Về căn cứ cho ly hôn, bà cho rằng Tòa án cho rằng mâu thuẫn trầm trọng để chấp nhận đơn ly hôn của ông V là hoàn toàn thiếu căn cứ, do đó bà kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 30/2020/HNGĐ-ST ngày 23/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, đề nghị cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Hồ Xuân V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cương quyết xin ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh N.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh N vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm, có gửi đơn trình bày do đau ốm nên không đến được và xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu ý kiến:

Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử.

Về hướng giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm không giao Thông báo thụ lý vụ án cho bà N là có thiếu sót, tuy nhiên bà N đã biết việc ông V khởi kiện và Tòa án huyện Tuyên Hóa đã thụ lý nên đến Tòa để trình bày, tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và phiên hòa giải là đảm bảo quyền của mình khi tham gia tố tụng, do đó không cần thiết phải hủy án sơ thẩm.

Về nội dung: Mâu thuẫn vợ chồng của ông V, bà N đã trầm trọng, không thể khắc phục được. Bà N kháng cáo xin đoàn tụ nhưng không có căn cứ được chấp nhận. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà phúc thẩm; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 23 tháng 12 năm 2020 Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa xét xử sơ thẩm vụ án, đến ngày 02/01/2021 bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh N làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Đơn kháng cáo nằm trong hạn luật định, nội dung, hình thức đúng quy định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, căn cứ Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án được giải quyết xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Bà Nguyễn Thị Thanh N đã được Tòa án cấp phúc thẩm tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử để tham gia phiên tòa vào ngày 27/4/2021 nhưng có đơn xin phép trình bày lý do đau ốm và xin phép vắng mặt nên Tòa án hoãn phiên tòa lần thứ nhất. Ngày 17/5/2021, Tòa án nhận được Giấy xin phép của bà N gửi qua đường bưu điện, nội dung bà không đến Tòa án để tham gia phiên tòa mở lại vào ngày 18/5/2021 vì lý do sức khỏe và xin vắng mặt tại phiên tòa. Bà N không cung cấp các giấy tờ về việc điều trị hay vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan, và đã có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn – người kháng cáo bà Nguyễn Thị Thanh N.

[2] Xét kháng cáo của bà N về thủ tục tố tụng:

Bà N cho rằng Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa không gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án cho bà về việc ông V xin ly hôn để bà có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu của ông V, nên đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền lợi hợp pháp của bà. Nhưng qua tài liệu trong hồ sơ vụ án đã thể hiện:

Ngày 21/7/2020 Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa đã có thông báo thụ lý số 62/2020/TB-TLVA, trong đó nêu rõ việc bị đơn phải nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn. Ngày 13/8/2020, bà N đã đến trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa để viết bản tự khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và phiên hòa giải. Bà N cũng đã tham gia phiên hòa giải lần thứ 2 mở vào ngày 08/10/2020. Đồng thời Tòa án cũng đã lấy lời khai bổ sung đối với bà N để làm rõ nội dung vụ án. Như vậy Tòa án huyện Tuyên Hóa có thiếu sót không gửi Thông báo thụ lý cho bà N nhưng quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng khác đúng theo quy định của pháp luật, bà N đã tham gia phiên họp, phiên hòa giải do Tòa án tiến hành, đã trình bày lời khai, trình bày ý kiến tại Bản tự khai, như vậy, các đương sự được thực hiện quyền trình bày ý kiến của mình trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, không hạn chế, bà N đã trình bày tại các văn bản nêu trên nên không có cơ sở để cho rằng Tòa

án cấp sơ thẩm xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà, do vậy không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo để hủy án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng như lời bà N trình bày, tuy nhiên cấp sơ thẩm cũng phải rút kinh nghiệm trong việc tổng đạt văn bản tố tụng cho các đương sự.

[3] Xét kháng cáo không đồng ý ly hôn vì cho rằng mâu thuẫn chưa trầm trọng của bà N, Hội đồng xét xử thấy:

Ông V và bà N kết hôn từ năm 1988 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Quảng Bình nên xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Vượng và bà N là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật và xã hội công nhận.

Sau khi kết hôn ông V, bà N đều xác định vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không tin tưởng nhau về tình cảm. Vì vậy vợ chồng sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Tài liệu xác minh tại Ủy ban nhân dân xã P cũng như trình bày của ông, bà đã có căn cứ xác định tình trạng mâu thuẫn giữa ông V và bà N đã kéo dài nhiều năm nay, mức độ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông V đã có 01 lần xin ly hôn vào năm 2017, nhưng không được Tòa án cấp sơ thẩm cũng như cấp phúc thẩm chấp nhận, đáng lẽ ra, khi Tòa án bác đơn ly hôn, cả 02 bên phải có biện pháp hàn gắn để vợ chồng đoàn tụ, nhưng ông V và bà N vẫn không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng không hòa hợp được nên ông V lại tiếp tục xin ly hôn.

Qua lời trình bày của đương sự cũng như các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: Thực tế hai vợ chồng đã không còn quan tâm đến nhau, mâu thuẫn gia đình đã kéo dài, đây là lần thứ 02 ông V nộp đơn ly hôn tại Tòa án, chứng tỏ mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã thực sự trầm trọng. Ông V, bà N đều là những người lớn tuổi, đã có quá trình dài sống chung với nhau, quá trình Tòa giải quyết vụ án đã nhiều lần hòa giải nhưng đến nay vẫn không hàn gắn được. Xét tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ hai phía, cùng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, cùng có nghĩa vụ chăm sóc, giúp đỡ nhau; mâu thuẫn của ông, bà xuất phát từ cuộc sống, từ sự tin tưởng nhau trong đời sống vợ chồng, bà N cho rằng ông V không chung thủy, ông, bà lại không có biện pháp để khắc phục sửa chữa. Tại phiên tòa phúc thẩm ông V vẫn cương quyết xin ly hôn vì tình cảm không còn, bà N không muốn ly hôn nhưng lại không có biện pháp để hàn gắn tình cảm, do đó nếu tiếp tục kéo dài quan hệ hôn nhân nói trên thì mục đích hôn nhân cũng không thể đạt được, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông Vượng được ly hôn đối với bà N là có căn cứ.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh N là có cơ sở.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị phúc thẩm.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà N phải chịu án phí phúc thẩm dân sự theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh N.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh N, giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 30/2020/HNGĐ-ST ngày 23/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình

2. Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh N phải chịu 300.000đ án phí phúc thẩm dân sự, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số AA/2020/0000019 ngày 15/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình. Bà N đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 18/5/2021).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND huyện Tuyên Hóa;
- Chi cục THADS huyện Tuyên Hóa;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đức Long